

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2020/HC-PT
Ngày: 22 - 6 - 2020
V/v khiếu kiện Quyết định hành chính
về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mươi

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2017/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 622/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Quan Tứ C; địa chỉ: ấp S, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long – có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: đường H, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lữ Quang Ng; chức vụ: Phó Chủ tịch; địa chỉ: đường H, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1/ Ông Trần Minh Kh – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Vĩnh Long - có mặt.

2/ Ông Trương Văn T – Trưởng phòng Quy hoạch Xây dựng Môi trường Ban quản lý các khu công nghiệp – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 1/ Bà Trần Ngọc L; địa chỉ: ấp S, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long – có mặt.
- 2/ Bà Quan Thị B; địa chỉ: ấp S, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt.
- 3/ Ông Quan Phát C1; địa chỉ: ấp S, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long – có mặt.
- 4/ Bà Quan Thị Nh; địa chỉ: ấp S, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt.
- 5/ Ông Quan Văn C2; địa chỉ: ấp S, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt.

6/ Quan Trước A (chết); địa chỉ: ấp S, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

7/ Quan Nhựt L; địa chỉ: ấp S, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Quan Tứ C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2011 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/8/2011, ngày 30/11/2011 của ông Quan Tứ C, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:*

Ngày 16/10/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 3565/QĐ.UB về việc phê duyệt phương án đền bù, giải tỏa mặt bằng xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C.

Ngày 09/4/2004 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 908/QĐ.UB thu hồi 301.357,3 m² đất tọa lạc tại xã Th, huyện L và xã M, huyện M1 cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C.

Ngày 18/3/2008 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 437/QĐ-UB thống nhất bảng tổng hợp danh sách các trường hợp thu hồi đất theo các Quyết định số 3142/QĐ-UB ngày 23/9/2003; Quyết định số 908 và 909/QĐ.UB ngày 09/4/2004; kèm theo bảng tổng hợp danh sách các trường hợp thu hồi đất do Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 03/3/2008 thì diện tích thu hồi đất của ông Quan Tứ C là không đúng.

Đến nay, Ban quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Long là chủ đầu tư vẫn chưa tiếp xúc, bàn bạc, thỏa thuận với người dân có quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện L cũng chưa ban hành quyết định thu hồi đất của từng hộ gia đình, cá nhân theo quy định. Việc quy hoạch khu 4 tuyến Công nghiệp C trở thành quy hoạch treo hơn 10 năm chưa được thực hiện, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ gia đình ông.

Theo quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long thì các phần đất của ông bị thu hồi gồm các thửa: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.927m², mục đích sử dụng đất V1.XD, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Quan Tứ C cấp ngày 10/5/2001; thửa 32, tờ bản đồ số 3, diện tích 925m², loại đất ruộng hai lúa, thửa 33, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.433m², loại trồng cây ăn quả, hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Quan Tứ C cấp ngày 30/6/1995; thửa 100A, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.866m², loại đất ruộng hai lúa; thửa 100B, tờ

bản đồ số 3, diện tích 320m², loại đất ruộng hai lúa, thửa 100A, 100B do bà Đinh Thị X đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 30/6/1995. Tất cả các thửa đất trên tọa lạc tại xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Theo danh sách các trường hợp thu hồi đất hiện trạng sử dụng ngày 18/3/2008 thì các thửa 32, 33 do Quan Tứ C đứng tên lại ghi số bản đồ là tờ bản đồ số 04 là không đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa 42 ghi tờ bản đồ số 05 là không đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa 100A, 100B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thuộc tờ bản đồ số 3, nhưng theo danh sách thu hồi đất thì ghi tờ bản đồ số 9 là không đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất thửa 100A, 100B là của bà Đinh Thị X đứng tên nhưng sau khi bà X mất thì các anh, em trong gia đình đồng ý giao cho ông C quản lý, sử dụng. Ông yêu cầu tiếp tục nhận thừa kế phần đất thửa 100A, 100B.

Nay ông Quan Tứ C yêu cầu:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số: 3565/QĐ.UB ngày 16/10/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long vì có nội dung áp giá bồi thường giá thấp. Trường hợp không hủy quyết định thì thỏa thuận giá đền bù hoặc làm theo quy định mới theo quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 10/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ khi có thành lập khu Công nghiệp Bắc C xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 908/QĐ.UB ngày 09/4/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, theo hướng loại trừ phần đất của ông có diện tích 7.174,6m² ra khỏi phần đất thu hồi với lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long với tư cách cá nhân ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng thẩm quyền, không đúng quy định pháp luật; Chủ đầu tư chưa thỏa thuận với ông C về chuyển quyền sử dụng đất.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày:*

- Tại Công văn phúc đáp số 1231/UBND – NCTD ngày 15/5/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

1. Về thủ tục thu hồi đất và giao đất cho Ban quản lý các khu công nghiệp:

Căn cứ Điều 28 và khoản 2 Điều 23 của Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi, bổ sung năm 2001:

Ngày 07/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 1711/UB chấp thuận chủ trương quy hoạch Tuyến dân cư và tuyến Công nghiệp C.

Ngày 09/01/2003, Ban quản lý các khu công nghiệp phối hợp với các ngành chức năng và chính quyền địa phương tiến hành họp dân, để công bố chủ trương quy hoạch của tỉnh. Tại cuộc họp có 50 hộ dân thuộc khu 4 tuyến công nghiệp C dự và đồng tình với chủ trương quy hoạch của Nhà nước.

Ngày 26/4/2003, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến Công nghiệp C cùng các hộ dân tiến hành lập tờ kê khai và kiểm kê nhà, vật kiến trúc, cây trồng để áp giá đền bù, trong đó có hộ của ông Quan Tứ C.

Ngày 16/10/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 3565/QĐ-UBND về phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng khu 4 của tuyến Công nghiệp C. Tổng giá trị đền bù là 40.050.369.000 đồng.

Ngày 30/3/2004, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 430/TTr.STNMT đề nghị thu hồi và giao 301.357,3m² đất tọa lạc tại xã Th, huyện L và xã M, huyện M1 cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C.

Ngày 09/4/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 908/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao 301.357,3m² đất tọa lạc tại xã Th, huyện L và xã M, huyện M1 cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C (kèm danh sách các hộ bị thu hồi, trong đó ông Quan Tứ C bị thu hồi 7.174,6m² đất tọa lạc tại ấp S, xã Th, huyện L).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhận xét:

Phần đất 7.174,6m² tại ấp S, xã Th, huyện L của ông Quan Tứ C đã được triển khai thực hiện dự án xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C, theo Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 09/4/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Long về thu hồi và giao 301.357,3m² đất tọa lạc tại xã Th, huyện L và xã M, huyện M1 cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C (có danh sách kèm theo trong đó có hộ ông C) là thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định tại Điều 28 và khoản 2 Điều 23 của Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi, bổ sung năm 2001. Do đó việc ông Quan Tứ C yêu cầu hủy một phần quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 09/4/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hướng loại trừ phần đất của ông diện tích 7.174,6m² ra khỏi danh sách thu hồi đất là không đúng theo quy định pháp luật.

2. Về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân:

Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/2004 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Nghị định số 87/NĐ-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ quy định về khung giá các loại đất. Quyết định số 302/TTg ngày 13/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh hệ số K trong khung giá đất ban hành kèm theo Nghị định số 87/NĐ-CP ngày 17/8/1994 và Nghị định số 17/1998 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Nghị định 87/NĐ-CP ngày 17/8/1994. Trên cơ sở quy định của các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định số 3070/1999/QĐ-UBT ngày 26/11/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về giá đền bù cây trồng; Quyết định số 3069/1999/QĐ-UBT ngày 26/11/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về giá chuẩn về xây dựng nhà ở; Quyết định số 3068/1999/QĐ-UBT ngày 26/11/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về giá các loại đất và Quyết định số 4234/2002/QĐ-UBT ngày 02/12/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh về giá các loại đất. Từ đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C là đúng theo quy định pháp luật.

Do đó việc ông Quan Tứ C khởi kiện yêu cầu hai vấn đề: hủy một phần quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 09/4/2004 và hủy một phần Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là không có cơ sở chấp nhận.

- Tại công văn phúc đáp số 2110/UBND-NCTD ngày 02/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

1. Xác định Quyết định số 3565/QĐ.UB ngày 16/10/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là quyết định hành chính cá biệt. Khi người dân không đồng tình với việc áp giá hoặc có khiếu nại về giá bồi hoàn thì thẩm quyền giải quyết thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo quy định tại khoản 5 phần IV quy định về nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng được ban hành kèm theo Nghị quyết số 3067/1999/QĐ.UBT ngày 26/11/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Về trình tự, thủ tục thực hiện đền bù thiệt hại:

Theo Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì trình tự, thủ tục được thực hiện như sau:

a. Khi có quyết định thu hồi đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo lập Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng. Trường hợp cần thiết phải sớm giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án thì có thể thành lập Hội đồng đền bù trước khi có quyết định thu hồi đất.

b. Tổ chức, cá nhân có đất bị thu hồi kê khai diện tích, hạng đất, loại đất, vị trí đất, số lượng tài sản...hiện có trên đất gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi xác nhận gửi Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng (ĐBTH GPMB) cấp huyện.

c. Hội đồng ĐBTH GPMB kiểm tra, kiểm kê thực tế bị thiệt hại so sánh với tờ khai có sự tham gia của người bị thiệt hại và chủ sử dụng đất.

d. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp báo cáo Hội đồng ĐBTH GPMB cấp huyện tình hình sử dụng quỹ đất để đền bù thiệt hại tại xã.

e. Hội đồng ĐBTH GPMB xác định tổng mức phải đền bù thiệt hại cho toàn bộ diện tích đất, tài sản trên đất, các khoản đền bù khác ...đề:

- Báo cáo Hội đồng cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với trường hợp Hội đồng ĐBTH GPMB lập ở cấp huyện.

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với Hội đồng ĐBTH GPMB cấp tỉnh.

f. Phương án đền bù được lập thành hai phần:

- Phần 1: Xác định mức đền bù do chủ dự án sử dụng đất phải chi trả trong phạm vi quy định.

- Phần 2: Xác định mức đền bù, trợ cấp cho từng chủ sử dụng đất bị thu hồi.

Tại công văn phúc đáp số 2101/UBND-NCTD ngày 26/7/2013 của UBND tỉnh Vĩnh Long, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long:

Đối với khu 4:

Ngày 16/10/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số: 3565/QĐ.UB về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng xây dựng khu 4 của tuyến Công nghiệp C (Theo tờ trình số 336/TTr –HĐĐB&GPMB ngày 07/10/2003 của Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến dân cư và tuyến Công nghiệp C – Có danh sách bồi hoàn di dời giải tỏa hộ dân thi công công trình khu 4 tuyến Công nghiệp C).

Ngày 09/4/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 908/QĐ.UB về việc thu hồi giao 301.357,3m² đất tọa lạc tại xã Th, huyện L và xã M, huyện M1 cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý, để xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C (kèm theo tờ trình 430/TTr.STNMT ngày 30/3/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường và bảng tổng hợp diện tích đất dự kiến thu hồi theo hiện trạng sử dụng thuộc công trình xây dựng tuyến Công nghiệp C - Khu 4).

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì kết hợp cùng các đơn vị có liên quan rà soát trình tự thủ tục thu hồi, giao đất xây dựng các công trình tuyến công nghiệp C, qua kết quả rà soát xét thấy: Bảng tổng hợp diện tích đất dự kiến thu hồi theo hiện trạng sử dụng đất thuộc công trình xây dựng tuyến Công nghiệp C – Khu 4 có ghi thừa từ “dự kiến”, nên đến ngày 04/3/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành tờ trình số 331/TTr.STNMT về việc đính chính danh sách thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 18/03/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 437/QĐ-UBND về việc thống nhất bảng tổng hợp danh sách các trường hợp thu hồi đất theo các Quyết định số 3142/QĐ.UB ngày 23/9/2003, 908/QĐ.UB ngày 09/4/2004, 909/QĐ.UB ngày 09/04/2004 (Kèm theo các danh sách các trường hợp thu hồi đất theo hiện trạng sử dụng thuộc công trình xây dựng tuyến Công nghiệp C - khu 4 ngày 03/3/2008).

Qua kiểm tra rà soát các tài liệu, Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận:

Đối với khu 4: Qua đối chiếu và so sánh danh sách bồi hoàn di dời giải tỏa hộ dân thi công công trình khu 4 tuyến Công nghiệp C; bảng tổng hợp diện tích đất dự kiến thu hồi theo hiện trạng sử dụng thuộc công trình xây dựng tuyến Công nghiệp C – Khu 4 theo tờ trình số 430/TTr.STNMT ngày 30/3/2004 và danh sách các trường hợp thu hồi đất theo hiện trạng sử dụng thuộc công trình xây dựng tuyến Công nghiệp C – Khu 4 ngày 03/03/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh khẳng định các danh sách nêu trên là một vì ba danh sách này có nội dung giống nhau và có cùng số lượng các hộ dân bị thu hồi đất để xây dựng tuyến Công nghiệp C.

- Tại công văn số: 3812/UBND-NC ngày 19 tháng 9 năm 2017 về việc giải trình việc giải tỏa, đền bù đất để xây dựng tuyến Công nghiệp C của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có nội dung trả lời như sau:

Nội dung: 21 hộ dân bị thu hồi đất tuyến Công nghiệp C cho rằng việc giải tỏa, đền bù đất để xây dựng tuyến Công nghiệp C trước khi có Quyết định thu hồi đất số 908/QĐ.UB và Quyết định 909/QĐ.UB ngày 09/04/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là không đúng theo quy định của pháp luật.

Qua xem xét nội dung báo cáo số 2872/BC-STNMT ngày 14/9/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có phúc đáp như sau:

Ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành công văn số 470/UB về việc chấp thuận vào giao Ban quản lý các KCN V triển khai xây dựng khu công nghiệp, khu tái định cư H và C.

Ngày 04/7/2002, Ban quản lý các KCN V và Công ty CP vận tải H ký bản tóm tắt ghi nhớ các thoả thuận “ Về việc thuê đất xây dựng cảng biển Container – Trạm nghiền và phân phối xi măng 1 triệu tấn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long”. Nội dung: Bên A (Đại diện Ban Quản lý các KCN V) có trách nhiệm chuẩn bị giải toả, đền bù và tái định cư cho những hộ dân phải di dời hoặc giải toả do ảnh hưởng bởi dự án “Cảng biển Container – Trạm nghiền và phân phối xi măng 1 triệu tấn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long” tại khu Công nghiệp C (Công suất 1 triệu tấn/năm) và bàn giao mặt bằng đúng tiến độ.

Ngày 19/3/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có thông báo số 09/TB.UB về “Ý kiến kết luận của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc với Ban quản lý các khu công nghiệp” với nội dung: Tập trung triển khai công tác đền bù về giải phóng mặt bằng khu 4 theo yêu cầu bàn giao mặt bằng của Công ty cổ phần vận tải H, phần đầu đề đến tháng 11/2003 sẽ khởi công xây dựng cảng Container và trạm nghiền phân phối xi măng Vĩnh Long.

Đối với Khu 5: Ngày 18/6/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn 786/UB chấp thuận cho di dời các cơ sở sản xuất gạch ngói từ Khu 4 sang Khu 5 (thay vì chuyển sang Khu 8) tuyến Công nghiệp C.

Xuất phát từ nhu cầu cần thiết nêu trên, ngày 14/01/2003 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định 49/QĐ.UB “về việc thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến dân cư và tuyến công nghiệp C”. Sau đó, Hội đồng đền bù tiến hành họp dân để công bố chủ trương quy hoạch của tỉnh, tiến hành lập tờ kê khai và kiểm kê nhà, vật kiến trúc, cây trồng để áp giá đền bù, lập phương án đền bù trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt phương án đền bù, giải toả mặt bằng xây dựng tuyến Công nghiệp C.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh lập phương án giải toả đền bù đất để xây dựng tuyến Công nghiệp C trước khi ban hành quyết định thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ quy định trình tự thực hiện đền bù thiệt hại như sau: “Khi có quyết định thu hồi đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo lập hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng. Trường hợp cần thiết phải sớm giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án thì có thể thành lập hội đồng đền bù trước khi có quyết định thu hồi đất”.

Tại buổi đối thoại ngày 25/8/2017, người đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ông Trần Hoàng T trình bày: Trước khi thực hiện dự án thì Ủy ban nhân dân tỉnh cùng đoàn làm việc có tổ chức họp dân, hiện nay đã có hơn 200 hộ dân đã nhận tiền bồi hoàn, hiện nay còn một số ít hộ dân chưa nhận tiền bồi hoàn và cũng chưa bàn giao đất. Bồi hoàn giá thời điểm đó là căn cứ vào giá đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm đó. Kế hoạch sử dụng đất từ năm 2001 – 2005 của tỉnh

được Chính phủ phê duyệt nên sau này mới có Quyết định 317 ngày 10/3/2017 để định chính địa danh. Ủy ban không thể đưa ra giá thỏa thuận theo yêu cầu của ông Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào giá đất ban hành tại thời điểm thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật. Nếu có khó khăn trong quá trình di dời hoặc rơi vào trường hợp hộ nghèo, cận nghèo thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có chính sách hỗ trợ khác chứ không thể thực hiện việc thỏa thuận giá như ý kiến người khởi kiện trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc L trình bày:* Để chồng bà là ông Quan Tứ C thay mặt hộ gia đình đứng tên khởi kiện và toàn quyền quyết định, bà không có ý kiến. Mọi ý kiến và quyết định của ông Quan Tứ C là ý kiến chung của hộ gia đình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quan Văn C2 trình bày:* Phần đất 100A, 100B của bà Đinh Thị X đứng tên là đồng ý để cho ông Quan Tứ C hưởng thừa kế, không tranh chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị B trình bày:* Phần đất 100A, 100B của bà Đinh Thị X đứng tên là đồng ý để cho ông Quan Tứ C hưởng thừa kế, không tranh chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị Nh trình bày:* Phần đất 100A, 100B của bà Đinh Thị X đứng tên là đồng ý để cho ông Quan Tứ C hưởng thừa kế, không tranh chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Nhứt L trình bày:* Phần đất 100A, 100B của bà Đinh Thị X đứng tên là đồng ý để cho ông Quan Tứ C hưởng thừa kế, không tranh chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quan Phát C1 trình bày:* Phần đất 100A, 100B của bà Đinh Thị X đứng tên là đồng ý để cho ông Quan Tứ C hưởng thừa kế, không tranh chấp.

** Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 18/2013/HCST ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 23, Điều 28 của Luật đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 2001; Điều 32, Điều 34 của Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 30; Điều 103, Điều 131 và Điều 163 của Luật Tổ tụng hành chính, khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quan Tứ C về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 3565/QĐ-UBND ngày 16/10/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long và hủy một phần quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 09/4/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Long theo hướng loại trừ phần đất diện tích 7.174,6m² của gia đình ông ra khỏi dự án khu công nghiệp C.

Ngày 31 tháng 10 năm 2013, người khởi kiện Quan Tứ C làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, xin xem xét lại vụ án.

** Tại bản án hành chính phúc thẩm số: 64/2014/HC-PT ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 205 của Luật Tổ tụng hành chính. Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 18/2013/HCST ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2017/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, quyết định:*

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 27, Điều 28 Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Bác yêu khởi kiện của ông Quan Tứ C về yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 3565/QĐ-UB ngày 16/10/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án đền bù, giải tỏa mặt bằng xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C và yêu cầu hủy một phần Quyết định số 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004 về việc thu hồi và giao 301.357,3 m² đất tọa lạc tại xã Th, huyện L và xã M, huyện M1 cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 Tuyến công nghiệp C và yêu cầu loại trừ phần đất của ông ra khỏi danh sách thu hồi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định

Ngày 26/10/2017, người khởi kiện ông Quan Tứ C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Phát biểu đối với yêu cầu kháng cáo của đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quan điểm như sau:

Giá đất phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là đúng quy định của pháp luật. Việc thành lập Hội đồng bồi thường trước khi ban hành quyết định thu hồi là phù hợp với quy định của pháp luật. Một số thiếu sót của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông C.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tổ tụng: Ngày 16/10/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 3565/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án đền bù, giải tỏa mặt bằng xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C. Ngày 09/4/2004 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 908/QĐ-UB thu hồi 301.357,3 m² đất tọa lạc tại xã Th, huyện L và xã M, huyện M1 cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 tuyến Công

nghiệp C là quyết định trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Quan Tứ C yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần Quyết định số 3565/QĐ-UB ngày 16/10/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án đền bù, giải tỏa mặt bằng xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C và hủy một phần Quyết định số 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004 về việc thu hồi và giao 301.357,3 m² đất tọa lạc tại xã Th, huyện L và xã M, huyện M1 cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C và yêu cầu loại trừ phần đất của ông C ra khỏi danh sách thu hồi là không có căn cứ, bởi vì:

[2.1] Về tính hợp pháp và căn cứ về hình thức, nội dung, thẩm quyền ban hành quyết định, thời hiệu ban hành của hai quyết định là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với Quyết định số 3565/QĐ-UB ngày 16/10/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là quyết định phê duyệt phương án đền bù giải tỏa mặt bằng, căn cứ Điều 33 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 là do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định, ông Cao Thế Nh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, có nội dung phê duyệt phương án đền bù giải tỏa với tổng giá trị đền bù là 40.050.369.000 đồng và giao hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến dân cư và tuyến C, các Sở ban ngành có liên quan thực hiện quyết định nên về hình thức và nội dung và trình tự, thời hạn, thẩm quyền ban hành quyết định là hoàn toàn hợp pháp.

Đối với quyết định 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là quyết định thu hồi đất tổng thể (kèm bảng tổng hợp diện tích và trích đo bản đồ địa chính khu đất), sau khi có quyết định số 3556/QĐ-UB ngày 16/10/2003 về việc phê duyệt phương án đền bù giải tỏa, đến ngày 09/4/2004 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thu hồi bằng quyết định 908/QĐ-UB về hình thức và nội dung, trình tự là đúng quy định tại Điều 27, 28 Luật đất đai năm 1993, đúng quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998.

Đối với địa danh ghi tại phần Danh mục công trình sử dụng đất trong kế hoạch 5 năm (2001-2005) tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Quyết định số 909/QĐ-TTg ngày 09/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ đã được đính chính bằng văn bản số 4448/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 10/10/2014 (BL 307), nên việc sai sót này không làm thay đổi bản chất nội dung quyết định ban hành.

[2.2] Đối với nội dung ban hành quyết định, đối tượng thụ hưởng theo quyết định là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với phần diện tích đất thu hồi của ông Quan Tứ C có trong danh sách các trường hợp thu hồi đất theo hiện trạng sử dụng thuộc công trình xây dựng tuyến Công nghiệp C (Khu IV) (BL 95), trong đó thu hồi của ông Quan Tứ C tại thửa 32, 33, tờ bản đồ số 03, diện tích thu hồi 2.636m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 696551 cấp ngày 30/6/1995 mang tên ông Quan Tứ C, phần đất được cấp có diện tích 2.358m², thu hồi tại thửa 42, tờ bản đồ số 03, diện tích thu hồi 2.243m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 367138 cấp ngày 10/5/2001

mang tên hộ ông Quan Tứ C, phần đất này có diện tích 1.927m², như vậy đối với hai phần đất mang tên ông Quan Tứ C diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4.285m² tọa lạc tại ấp S, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, diện tích thu hồi 03 thửa này là 4.879m², tăng lên 594m² là có lợi cho phía người khởi kiện. (BL 267C).

Đôi thửa 100AB mang tên bà Đinh Thị X thu hồi diện tích 2.036,6m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp số E 698828 cấp ngày 30/6/1995 có diện tích 2.186m² thuộc tờ bản đồ số 0003. Bà Đinh Thị X là mẹ ruột ông Quan Tứ C, bà X mất năm 2001, đến năm 2002 ông Quan Tứ C lập thủ tục thừa kế từ bà X có sự đồng ý của các anh em ông Quan Tứ C, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất này bị giải tỏa. Khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long thu hồi thửa đất này và lập danh sách đền bù cho ông Quan Tứ C, các anh em ông Quan Tứ C không tranh chấp và cho đến tại buổi đối thoại ngày 11/8/2017, tất cả các anh chị em của ông Quan Tứ C cũng không tranh chấp về số tiền bồi thường, đồng ý để ông Quan Tứ C nhận tiền bồi hoàn, khi ông Quang B còn sống cho đến khi mất năm 2005 (BL 305) cũng không tranh chấp, nên việc Hội đồng đền bù giải tỏa không mời hàng thừa kế thứ nhất của bà X đến để quyết định đền bù cho ai là có sai sót, tuy nhiên việc sai sót này không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Quan Tứ C. (BL 267B, 353, 322, 303).

Qua đối thoại tại cấp sơ thẩm, các bên đồng ý khảo sát đo đạc lại diện tích các thửa 32, 33, 42, 100AB, kết quả đo đạc ông Quan Tứ C chỉ không đúng mốc giới ban đầu khi đo thu hồi, diện tích tăng lên 1.069,2m² là do ông Quan Tứ C xác định luôn thửa 32, 33, 39, 40, 41, nhưng thửa 39, 40, 41 không thuộc danh sách thu hồi.

[2.3] Đối với giá trị đền bù: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long thu hồi và đền bù theo giá tại thời điểm ban hành, căn cứ vào quyết định số 4234/2002/QĐ.UB ngày 02/12/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long điều chỉnh về giá đất là phù hợp quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Quan Tứ C là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của ông C theo đó là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử phúc thẩm, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không chấp nhận, vì vậy ông Quan Tứ C, phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quan Tứ C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2017/HC-ST ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Điều 27, Điều 28 Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Bác yêu khởi kiện của ông Quan Tứ C về yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 3565/QĐ-UB ngày 16/10/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án đền bù, giải tỏa mặt bằng xây dựng khu 4 tuyến Công nghiệp C và yêu cầu hủy một phần Quyết định số 908/QĐ-UB ngày 09/4/2004 về việc thu hồi và giao 301.357,3 m² đất tọa lạc tại xã Th, huyện L và xã M, huyện M1 cho Ban quản lý dự án quy hoạch các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 Tuyến công nghiệp C và yêu cầu loại trừ phần đất của ông ra khỏi danh sách thu hồi.

Về án phí: Ông Quan Tứ C phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ theo các biên lai số 002870 ngày 01/12/2011 và 0000775 ngày 26/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Minh

Hoàng Minh Thịnh

Phạm Công Mười